TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-PT
Ngày 01 tháng 6 năm 2023
V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Nga
Các Thẩm phán: Ông Trương Quang Tú
Ông Nguyễn Ngọc Thăng

- Thư kýTòa án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thúy Hằng - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Thành - Kiểm sát viên Trung cấp.

Ngày 01 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2023/TLPT-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hôn nhân gia đình" do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y.M, tỉnh Hưng Yên, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐ-PT ngày 13/4/2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số 32/2023/QĐ-PTngày 11 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Chị Kiều Thị S., sinh năm 1983; hộ khẩu thường trú: Thôn B.P, xã Y.P, huyện Y.M, tỉnh Hưng Yên; địa chỉ: Thôn Th.L, xã Y.H, huyện Y.M, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

**** Bị đơn***: Anh Lê Đức Ph., sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn B.P, xã Y.P, huyện Y.M, tỉnh Hưng Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kiều Thị S. trình bày:

Chị và anh Lê Đức Ph. lấy nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y.P ngày 28/02/2001. Sau khi tổ chức lễ cưới xong chị và anh Ph. về chung sống cùng nhau tại gia đình nhà anh Ph. ở xã Y.P, thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2004, sau khi vợ chồng sinh con thứ hai. Nguyên nhân do anh Ph. chơi bời, không tu chí làm ăn, thường xuyên chửi bới xúc phạm chị, nhiều lần dùng vũ lực đánh chị, đập phá đồ đạc gia đình. Chị đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, sau đó anh Ph. xuống tìm, xin lỗi, gây sức ép, vợ chồng về chung

sống nhưng anh Ph. vẫn không chịu thay đổi, chơi bời ngày càng nhiều hơn, thường xuyên uống rượu, gây sự, xúc phạm, đối xử tệ bạc với chị. Do không thể chịu đựng được nên đầu năm 2022 chị về quê ở xã Y.H sinh sống cho đến nay. Chị và anh Ph. sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Anh Ph. thường xuyên chặn đường, đến Công ty nơi chị làm việc hành hung, đánh, bắt chị phải về chung sống và xuống gia đình chị ở xã Y.H để chửi bới, xúc phạm chị và gia đình. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Ph. không còn, không thể quay về chung sống cùng nhau được, chị làm đơn xin được ly hôn anh Ph..

Bị đơn anh Lê Đức Ph. trình bày:

Anh xác định việc kết hôn đúng như chị S. trình bầy. Về quá trình chung sống của vợ chồng diễn ra bình thường, không xảy ra chuyện gì, không va chạm, mâu thuẫn gì. Cách đây khoảng 01 tháng anh xuống ăn cỗ dưới gia đình nhà chị S. ở xã Y.H, do anh có uống rượu quá chén không làm chủ được bản thân nên có nhiều lời lẽ không đúng với gia đình nhà chị S.. Từ đó hai bên xảy ra va chạm, chị S. không chung sống cùng anh nữa, anh cũng đã đến gia đình chị S. xin lỗi tìm chị S. về nhưng gia đình chị S. không nhất trí, chị S. không chịu tha thứ quay về. Anh xác định không có việc anh chơi bời, không tu chí làm ăn, xúc phạm và đánh chị S. như chị S. trình bầy. Nay anh không nhất trí ly hôn với chị S., theo anh giữa hai bên không có vấn đề gì, không có chuyện gì cần phải ly hôn bỏ nhau.

Về con chung: Chị S. và anh Ph. có 02 con chung là cháu Lê Thị D., sinh ngày 27/06/2002 và cháu Lê Thị Thảo V., sinh ngày 11/09/2004. Hiện cả hai cháu đã trưởng thành đủ 18 tuổi và đang ở cùng với mẹ. Chị S., anh Ph. và các con chung không yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng, cấp dưỡng liên quan đến con chung.

Về tài sản, về công nợ, ruộng canh tác và công sức: Chị S. và anh Ph. đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 02/3/2023, của Tòa án nhân dân huyện Y.M, tỉnh Hưng Yên đã căn cứ Điều 51, 56 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự. Xử cho chị Kiều Thị S. ly hôn anh Lê Đức Ph.. Chị S. và anh Ph. có 02 con chung tên là cháu Lê Thị D., sinh ngày 27/06/2002 và cháu Lê Thị Thảo V., sinh ngày 11/09/2004. Các con chung đều đã thành niên, tự lập, các bên không có yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Chị S. và anh Ph. không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ, ruộng canh tác và công sức nên không đặt ra xem xét.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là anh Lê Đức Ph. có đơn kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên xử không chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Kiều Thị S..

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn chị Kiều Thị S. giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Lê Đức Ph.. Bị đơn anh Lê Đức Ph. không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của anh Lê Đức Ph. là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.Về nội dung, kháng cáo của anh Lê Đức Ph. không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của anh Lê Đức Ph. trong thời hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của anh Lê Đức Ph., Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Kiều Thị S. và anh Lê Đức Ph. tự nguyện lấy nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y.P ngày 28/02/2001 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống, anh Ph., chị S. đã có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, kết quả đã có 02 con chung. Tuy nhiên, do bất đồng quan điểm, lối sống và từ việc anh Ph. có những xử sự, hành động đối xử không đúng mực, xúc phạm chị S. nên anh Ph., chị S. đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nhiều lần chị Phương về nhà bố mẹ đẻ ở. Anh Ph. đến tìm và xin lỗi chị S., vợ chồng về đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn phát sinh, hiện anh, chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Sau khi Tòa án cấp sơ thẩm xử cho chị S. được ly hôn anh Ph., anh Ph. và chị S. vẫn không có cuộc sống chung, mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Tại phiên tòa phúc thẩm chị S. vẫn xin ly hôn anh Ph.. Anh Ph. không có biện pháp hữu hiệu nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S. và anh Ph. đã kéo dài và thực sự trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau, cuộc sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị S. được ly hôn anh Ph. là có căn cứ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của anh Ph., giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2023/HNGĐ-ST ngày 02/3/2023, của Tòa án nhân dân huyện Y.M.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của anh Lê Đức Ph. không được chấp nhận, anh Ph. phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên, Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Lê Đức Ph. và giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 33/2023/ HNGĐ - ST, ngày 02 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Y.M, tỉnh Hưng Yên.

2. Về án phí: Anh Lê Đức Ph. phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm anh Ph. đã nộp theo biên lai thu số 0009444, ngày 02/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y.M. Anh Lê Đức Ph. đã nộp đủ án phí ly hôn phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- TAND huyện Y.M;
- Chi cục THADS huyện Y.M;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VP; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga